

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ -ST

Ngày: 28/5/2020.

V/v hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ, TỈNH PHÚ THỌ

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Cao Vân.
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Ngọc Tường.
2. Ông Vũ Văn Chuyên.
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Việt Dũng - Thư ký Tòa án.
- Đại diện Việt kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì tham gia phiên tòa: Bà Trần Khánh Hương - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 28 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 700/2019/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 204/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Kim L**, sinh năm 1976.

ĐKHKT: Khu B, xã T, thành phố V, tỉnh P.

Chỗ ở hiện nay: Khu N, xã H, thị xã P, tỉnh P.

Bị đơn: Anh **Trương Xuân T**, sinh năm 1974.

ĐKHKT: Khu B, xã T, thành phố V, tỉnh P.

Hiện đang cải tạo tại đội 5, phân trại 2, trại giam Vĩnh Quang, Cục C10 Bộ Công an.

(chị L có mặt, anh T xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết tại Tòa án nguyên đơn là chị Lê Thị Kim L và anh Trương Xuân T đều thông nhất trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh T có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 09/02/2007 tại trụ sở UBND xã T, thành phố V, tỉnh P trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với nhau được một thời gian rất ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống không hợp nhau, đến cuối năm 2007 chị L chuyển về nhà mẹ đẻ của chị là bà Lê Thị N tại địa chỉ: Khu N, xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ để ở. Hiện nay anh T đang cải tạo tập trung tại trại giam Vĩnh Quang thuộc Bộ công an. Chị

L và anh T đã sống ly thân không còn quan hệ tình cảm cũng như mọi mặt khác. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống riêng của mỗi người. Về phía anh T cũng hoàn toàn nhất trí ly hôn.

Về con chung: Chị L và anh T xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Trương Hồng Anh - sinh ngày 09/11/2007. Khi ly hôn quan điểm của chị L xin được nuôi con và không đề nghị anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị. Phía anh T do đang chấp hành án nên đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Về tài sản chung; công sức trong thời gian sống chung và nợ chung: Chị L và anh T đề trình bày xác định vợ chồng không có tài sản chung không đề nghị Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử; kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng qui định trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về Điều luật: Đề nghị áp dụng Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 227; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về đường lối giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kim L xử: Cho chị Lê Thị Kim L được ly hôn với anh Trương Xuân T; Về con chung xác định chị L và anh T có 01 con chung là cháu Trương Hồng A - sinh ngày 09/11/2007. Khi ly hôn đề nghị giao con chung cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị L do chị L tự nguyện không yêu cầu; Về tài sản chung, công sức đóng góp gia đình trong thời gian chung sống và nợ chung: Mặc dù chị Lê Thị Kim L và anh Trương Xuân T đều khai không có nhưng do anh T vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án không đặt ra xem xét trong vụ án này. Về án phí chị L chịu theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình giữa chị Lê Thị Kim L và anh Trương Xuân T, các bên đương sự đều có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Khu B, xã T, thành phố V, tỉnh P nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì theo quy định tại khoản 2 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 135 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh T.

Vụ án thuộc trường hợp Kiểm sát viên tham gia phiên tòa do Tòa án tiến hành ủy thác xác minh, thu thập chứng cứ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xem xét quan hệ hôn nhân chị L và anh T, Hội đồng xét xử thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T là hợp pháp.

Cuộc sống chung của chị L và anh T có nhiều mâu thuẫn. Hai bên đã sống ly thân lâu năm, chị L xin ly hôn anh T cũng nhất trí ly hôn, xét thấy thực tế tình trạng hôn nhân của chị L và anh T trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được anh T đang cải tạo tại đội 5, phân trại 2 trại giam Vĩnh Quang cục C10 Bộ công an nên Hội đồng xét xử quyết định xử cho chị L được ly hôn với anh T là phù hợp Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung:

Theo chị L, anh T trình bày và căn cứ các tài liệu có lưu trong hồ sơ vụ án do chị L nộp đã xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Trương Hồng A - sinh ngày 09/11/2007. Hiện nay đang ở cùng chị L từ khi ly thân.

Xét thấy hiện nay anh T đang cải tạo tập chung và cháu A nguyện vọng muốn ở mới mẹ nên giao con chung cho chị L là phù hợp pháp luật và để cuộc sống của con được đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc. Việc chị L tự nguyện không yêu cầu anh T đóng góp gì là sự tự nguyện, là quyền tự định đoạt không trái pháp luật nên cần chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, công sức đóng góp gia đình trong thời gian chung sống và nợ chung: Mặc dù chị Lê Thị Kim L và anh Trương Xuân T đều khai không có nhưng do anh T vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy chưa rõ quan điểm tại phiên tòa nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này có tranh chấp, có yêu cầu sẽ được giải quyết theo trình tự khác.

[2.4] Về án phí ly hôn sơ thẩm:

Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ tại phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 227; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Kim L được ly hôn với anh Trương Xuân T.

2. Về con chung: Giao con chung là Trương Hồng A - sinh ngày 09/11/2007 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung thành niên. Anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị L do chị L tự nguyện không yêu cầu.

Không ai được cản trở quyền thăm gặp chăm sóc con chung.

3. Về tài sản chung, công sức trong thời gian sống chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị L đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000730 ngày 23/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết đề nghị xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND TP Việt Trì;
- Chi cục THADS TP. Việt Trì;
- Các đương sự;
- UBND xã Trung Vương,
TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Cao Vân